

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 14 – 02 – 2025  
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vinh Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Minh Hiếu.

Ông Trần Hoàng Bảy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Luyến-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Đào-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 559/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Thạch Thị K, sinh ngày 16/9/1994; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông Sơn Đ, sinh ngày 27/5/1994; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo Đơn khởi kiện ngày 01/10/2024 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị K trình bày:*

Bà và ông S Đăm quen biết nhau, có tình cảm và được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2012, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là Sơn Thị Kiều M, sinh ngày 19/9/2012, hiện nay đang sống chung với mẹ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Trong thời gian chung sống, ông Sơn Đ có nhiều lần dùng tay đánh bà, ham mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, bà đã tha thứ nhiều lần nhưng ông Sơn Đ không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không hàn gắn được.

Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Sơn Đ.
- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Sơn Thị Kiều M, cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Bị đơn ông Sơn Đ không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Nguyên đơn vắng mặt, nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị K và ông Sơn Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân thị

trần K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 03/7/2013, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, bà K và ông Đ có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, nên đã sống ly thân từ năm 2019; đến thời điểm này, cả bà K và ông Đ cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K đối với ông Đ.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà K và ông Đ có 01 người con chung là Sơn Thị Kiều M, sinh ngày 19/9/2012, hiện đang sống chung với bà K.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, người con chung này từ nhỏ đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tranh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K, giao cháu Sơn Thị Kiều M, sinh ngày 19/9/2012, cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục hai người con chung này cho ông Đ, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà K đối với ông Đ.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Buộc bà K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn, theo như nhận định nêu trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Tuyên xử:***

- 1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị K được ly hôn với ông Sơn Đ.
- 2) Về con chung: Giao cho bà K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn Thị Kiều M, sinh ngày 19/9/2012, đến đủ 18 tuổi; Ông Đ được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.
- 3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà K đối với ông Đ.
- 4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- 5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007470, ngày 21/10/2024, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách. Như vậy, bà K đã nộp xong án phí.
- 6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân thị trấn Kế Sách;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Vinh T**